

|            |            |         |         |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày       | 35,800 VNĐ |         |         |
| 30/09/2024 |            |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|            | -0.5%      | -2.1%   | 4.6%    |

|       |       |                   |
|-------|-------|-------------------|
| Q3/24 |       |                   |
| ROE   | 29.7% | +/- YoY<br>▲ 5.2% |

|          |        |                         |                          |
|----------|--------|-------------------------|--------------------------|
| Q3/24    |        |                         |                          |
| DT thuần | 378    | QoQ<br>▲ 14.0<br>▲ 3.9% | YoY<br>▲ 38.0<br>▲ 11.2% |
|          | tỷ VNĐ |                         |                          |

|          |        |                         |
|----------|--------|-------------------------|
| 9T 2024  |        |                         |
| DT thuần | 1,069  | YoY<br>▲ 107<br>▲ 11.2% |
|          | tỷ VNĐ |                         |

|        |        |                         |                          |
|--------|--------|-------------------------|--------------------------|
| Q3/24  |        |                         |                          |
| LN gộp | 111    | QoQ<br>▼ 2.00<br>▼ 1.6% | YoY<br>▲ 14.8<br>▲ 15.6% |
|        | tỷ VNĐ |                         |                          |

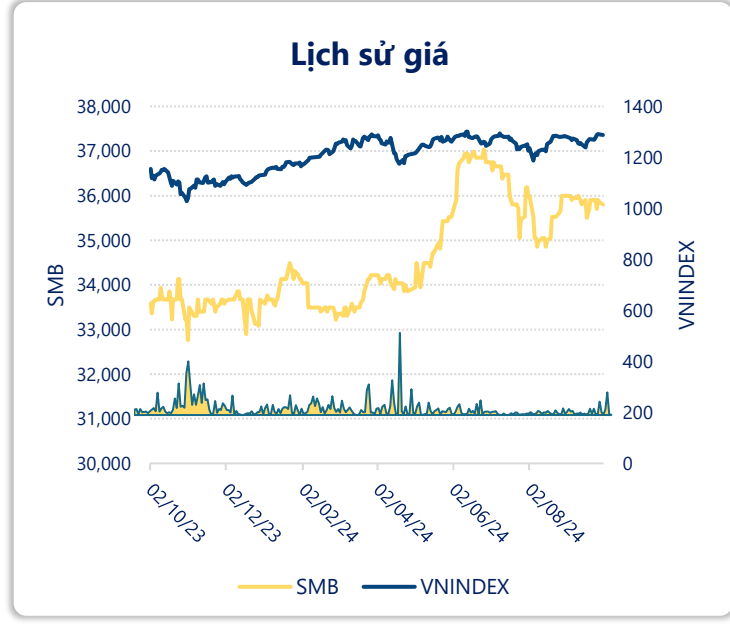
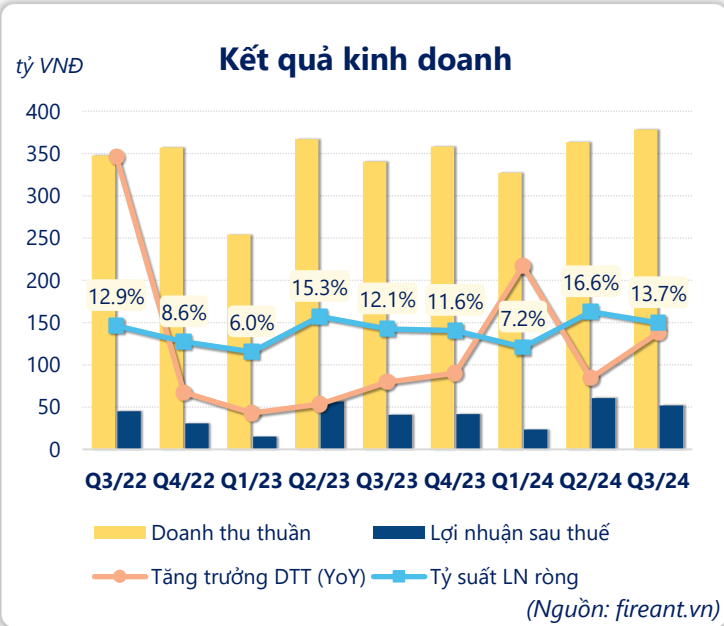
|         |        |                          |
|---------|--------|--------------------------|
| 9T 2024 |        |                          |
| LN gộp  | 302    | YoY<br>▲ 47.0<br>▲ 18.5% |
|         | tỷ VNĐ |                          |

|          |        |                          |                          |
|----------|--------|--------------------------|--------------------------|
| Q3/24    |        |                          |                          |
| LN thuần | 64.8   | QoQ<br>▼ 10.7<br>▼ 14.2% | YoY<br>▲ 13.7<br>▲ 26.8% |
|          | tỷ VNĐ |                          |                          |

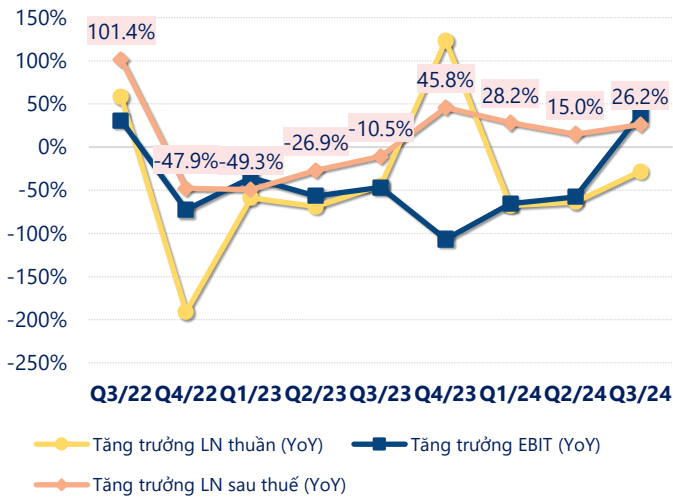
|          |        |                          |
|----------|--------|--------------------------|
| 9T 2024  |        |                          |
| LN thuần | 170    | YoY<br>▲ 30.0<br>▲ 21.5% |
|          | tỷ VNĐ |                          |

|             |        |                          |                          |
|-------------|--------|--------------------------|--------------------------|
| Q3/24       |        |                          |                          |
| LN sau thuế | 51.8   | QoQ<br>▼ 8.60<br>▼ 14.3% | YoY<br>▲ 10.8<br>▲ 26.3% |
|             | tỷ VNĐ |                          |                          |

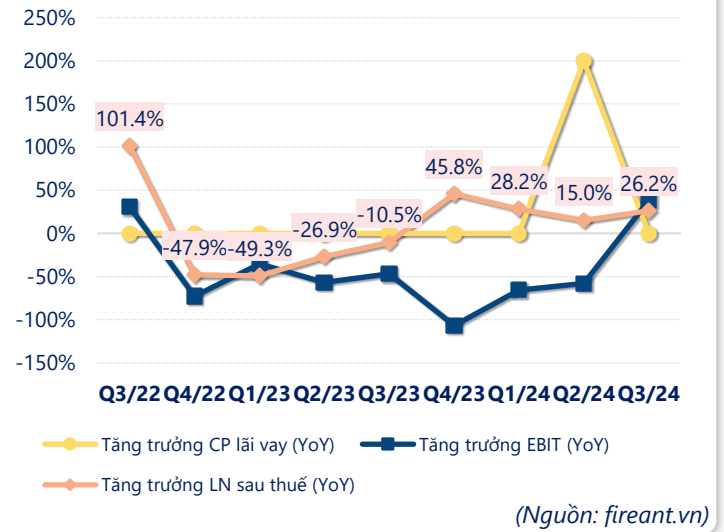
|             |        |                          |
|-------------|--------|--------------------------|
| 9T 2024     |        |                          |
| LN sau thuế | 136    | YoY<br>▲ 23.0<br>▲ 20.7% |
|             | tỷ VNĐ |                          |



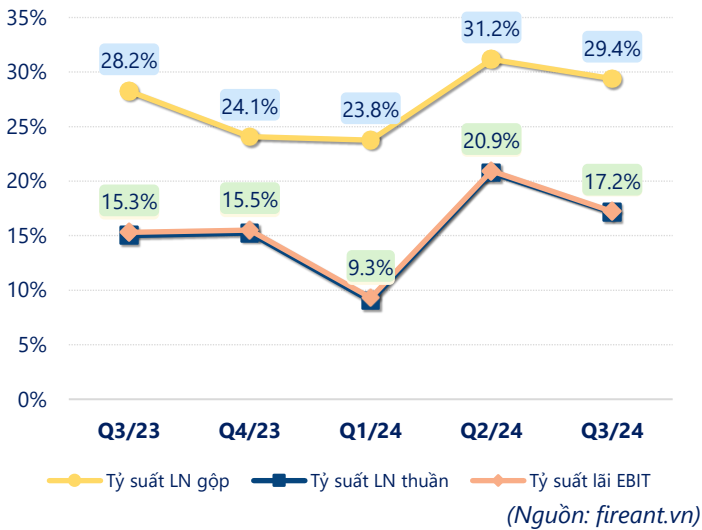
### Tăng trưởng lợi nhuận



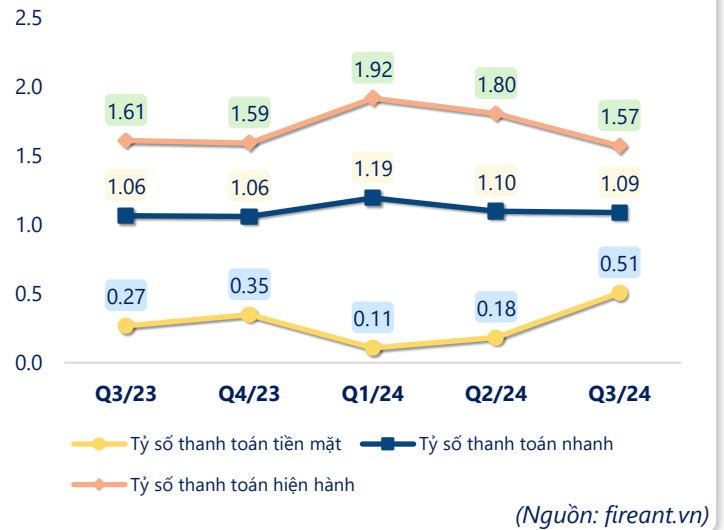
### Tăng trưởng chi phí



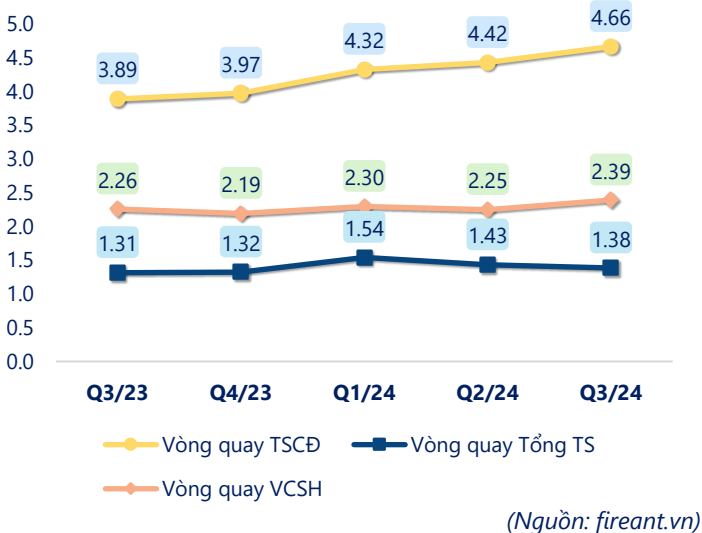
### Tỷ suất lợi nhuận



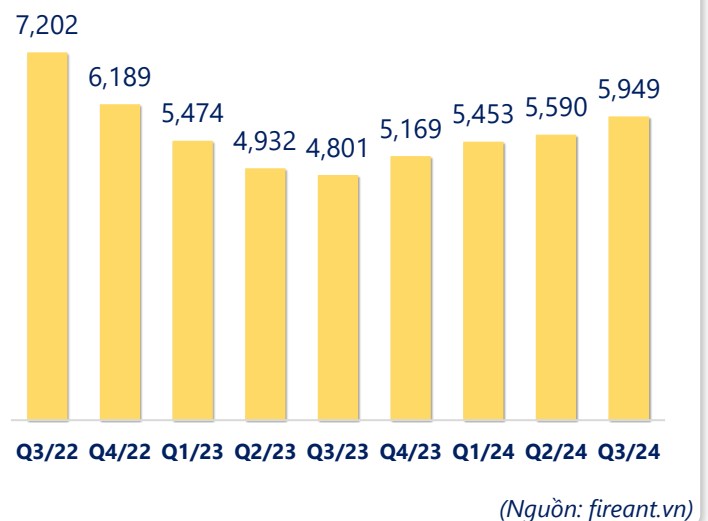
### Chỉ số thanh khoản



### Vòng quay tài sản



### EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH<br>(tỷ VNĐ) | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi<br>YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi<br>YoY |
|--------------------------------|-------|-------|-----------------|---------|---------|-----------------|
| Doanh thu thuần                | 378   | 340   | 11.2%           | 1,069   | 962     | 11.2%           |
| Giá vốn hàng bán               | 267   | 244   | 9.4%            | 767     | 706     | 8.6%            |
| Lợi nhuận gộp                  | 111   | 96.2  | 15.6%           | 302     | 255     | 18.5%           |
| Doanh thu HĐTC                 | 4.02  | 0.22  | 1729%           | 8.96    | 9.18    | -2.5%           |
| Chi phí TC                     | 0.38  | 0.83  | -53.9%          | 1.76    | 3.57    | -50.7%          |
| Chi phí lãi vay                | 0.38  | 0.82  | -53.9%          | 1.70    | 3.56    | -52.2%          |
| LN trong công ty LKLD          | 0     | 0.00  |                 | 0.18    | 0.06    | 200%            |
| Chi phí bán hàng               | 26.6  | 20.6  | 29.3%           | 72.6    | 56.0    | 29.7%           |
| Chi phí QLDN                   | 23.4  | 23.8  | -1.6%           | 67.3    | 65.1    | 3.4%            |
| LN thuần từ HĐKD               | 64.8  | 51.1  | 26.8%           | 170     | 140     | 21.5%           |
| Lợi nhuận khác                 | -0.08 | 0.19  | -143%           | 0.15    | 0.91    | -83.6%          |
| LN trước thuế                  | 64.7  | 51.3  | 26.1%           | 170     | 141     | 20.8%           |
| Lợi nhuận sau thuế             | 51.8  | 41.0  | 26.3%           | 136     | 113     | 20.7%           |
| LNST của CĐ cty mẹ             | 51.8  | 41.0  | 26.3%           | 136     | 113     | 20.7%           |

(Nguồn: fireant.vn)

